CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

FireAnt

CTCP Đầu tư và Xây dựng 40

Ngày 30/09/2024	29,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	18.9%	**28.7%**	**55.8%**

DT thuần
Q3/24
79.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.50| 12.1%
YoY: ▲ 51.2| 184%

LN thuần
Q3/24
2.92
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.38| 15.1%
YoY: ▲ 4.83| 253%

LN sau thuế
Q3/24
2.17
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.14| 7.1%
YoY: ▲ 2.59| 618%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
4.0%
YoY: +/-▲ 0.4%

ROE (TTM)
Q3/24
7.2%
YoY: +/-▲ 3.8%

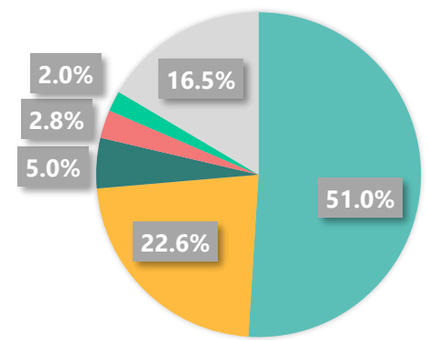
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	19,000 - 30,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	107
Số lượng CPLH (CP)	3,600,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,365
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.65
EPS	1,352
P/E	21.9

DT thuần
9T 2024
168
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 98.7| 143%

LN thuần
9T 2024
5.93
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.32| 527%

LN sau thuế
9T 2024
4.58
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.76| 459%

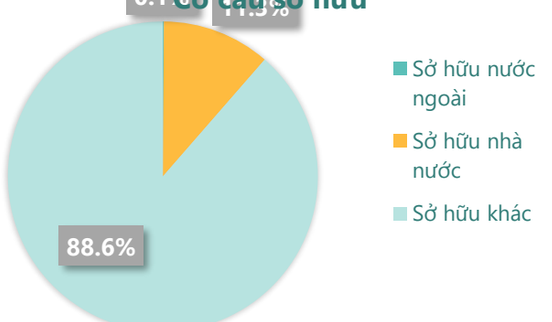
Cơ cấu cổ đông



- CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
- Bùi Trung Thu
- Nguyễn Văn Sơn (Tổng giám đốc)
- Bùi Duy Tiên
- Phạm Văn Hoàn (Phó Tổng giám đốc)
- Khác

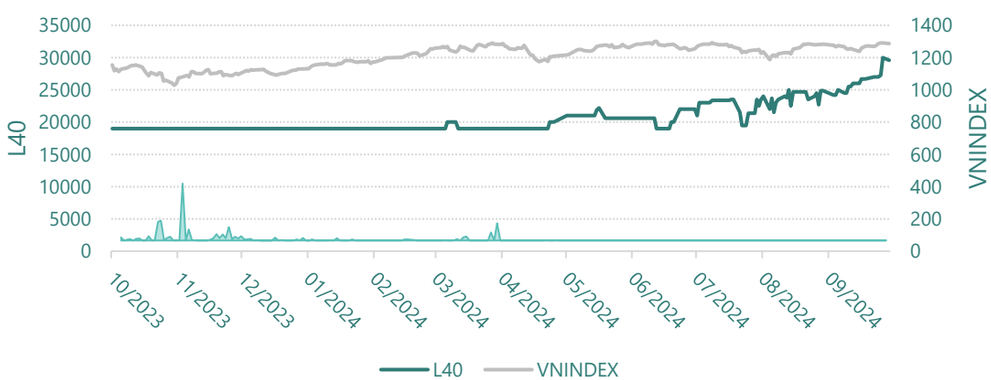
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



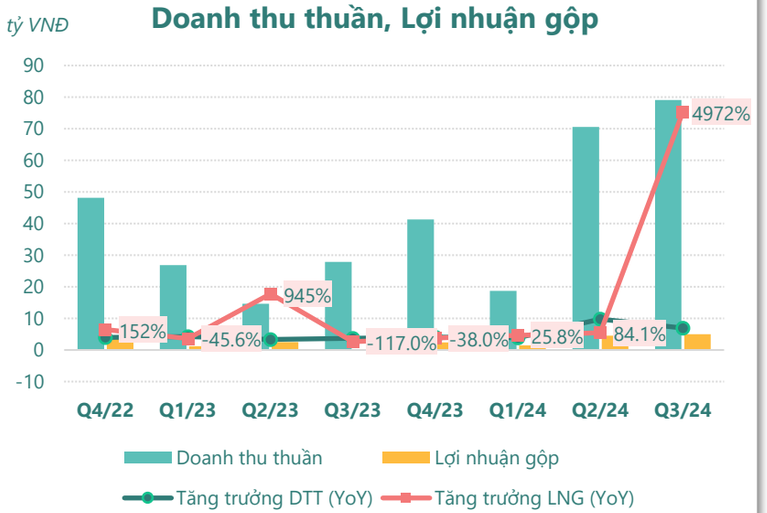
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



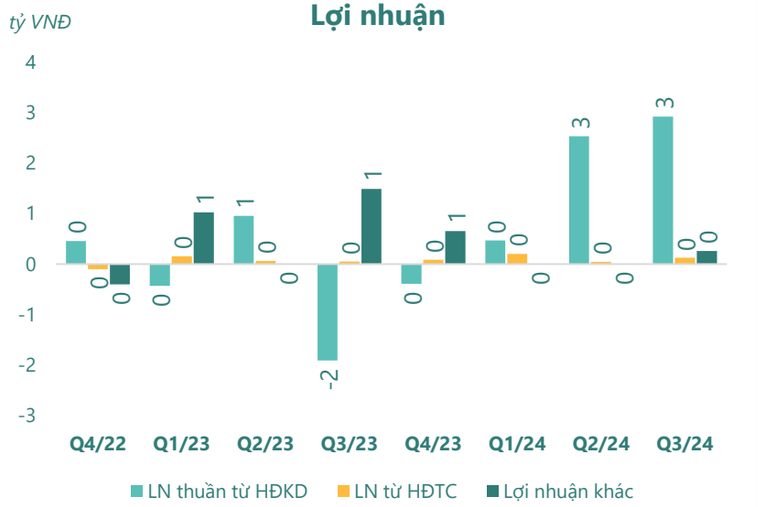
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



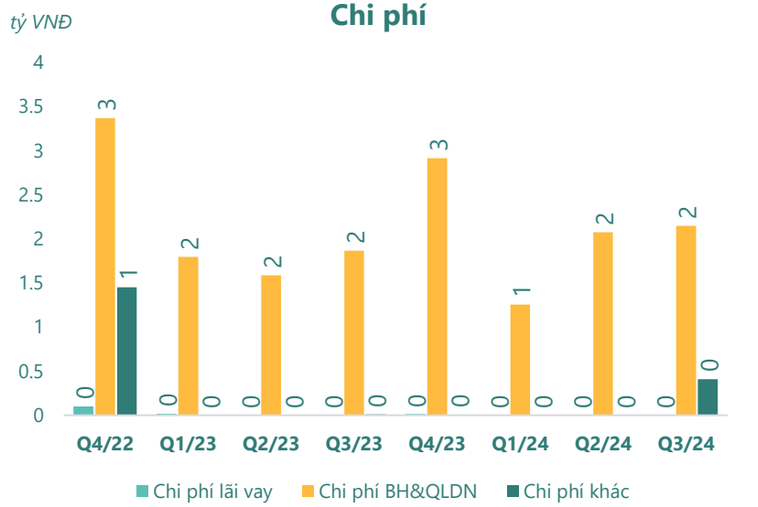
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



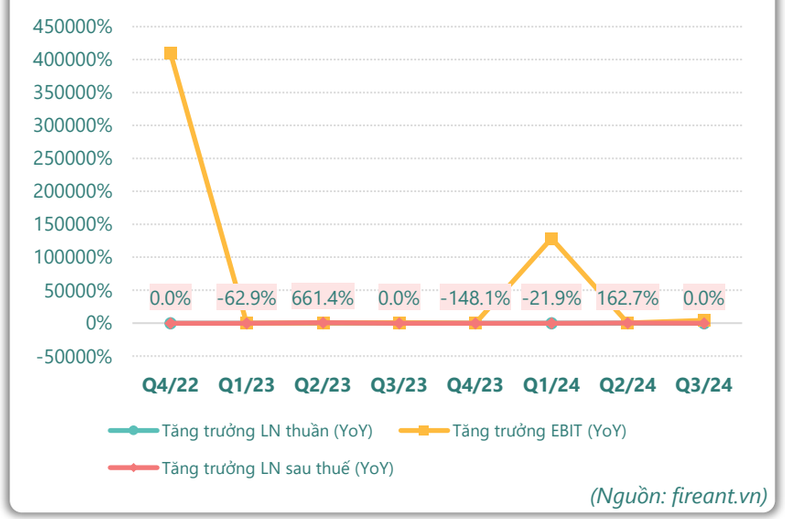
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



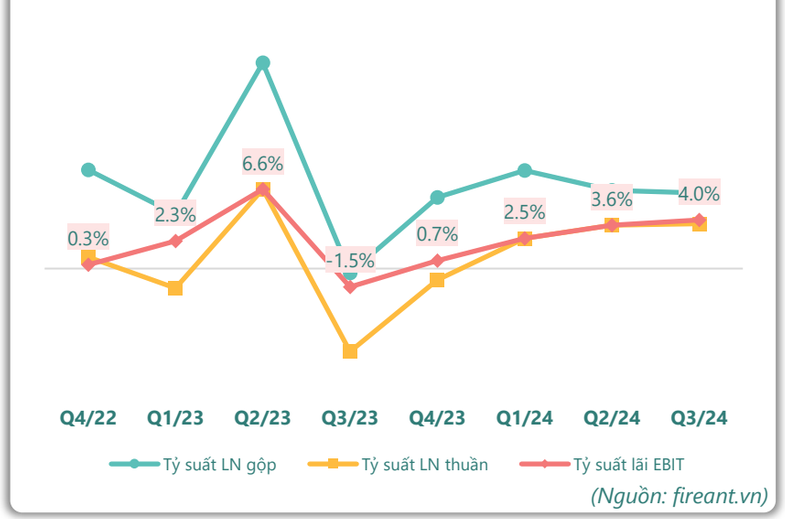
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



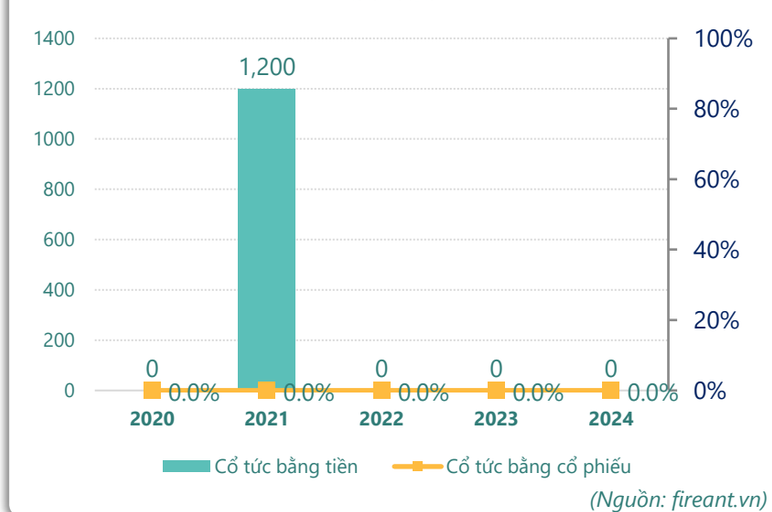
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

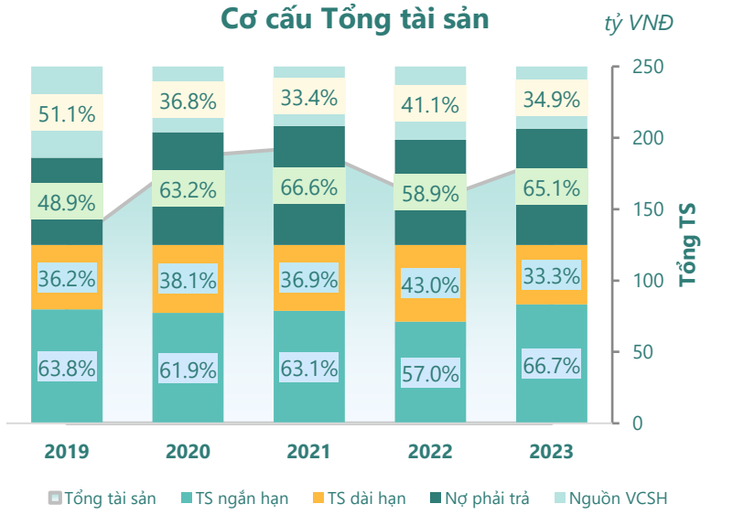
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

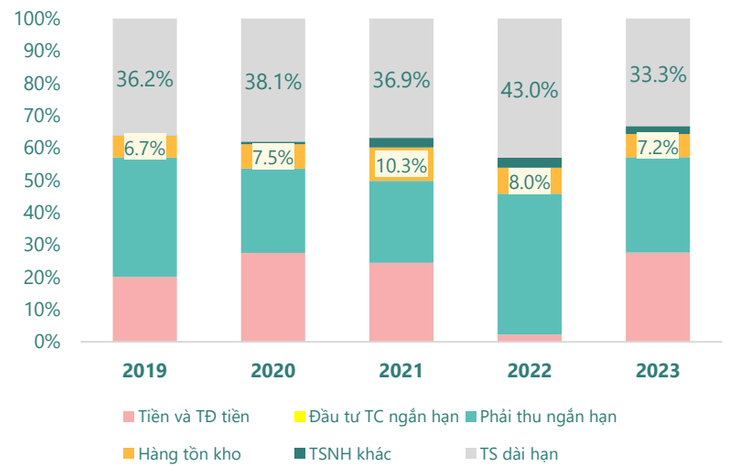
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



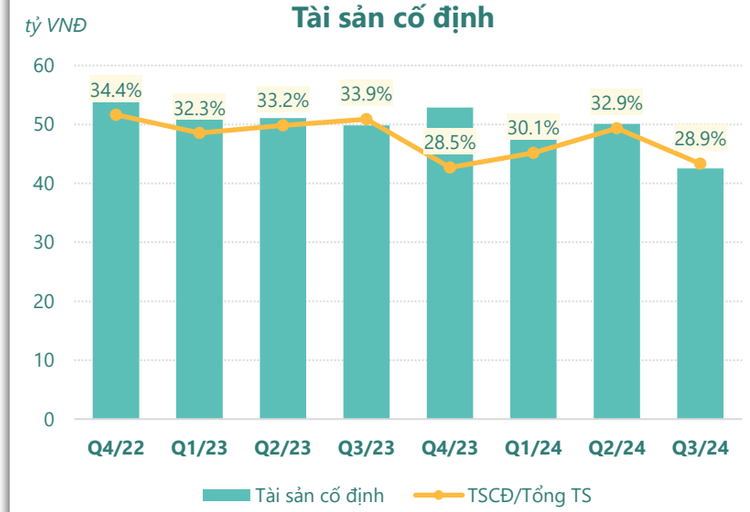
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



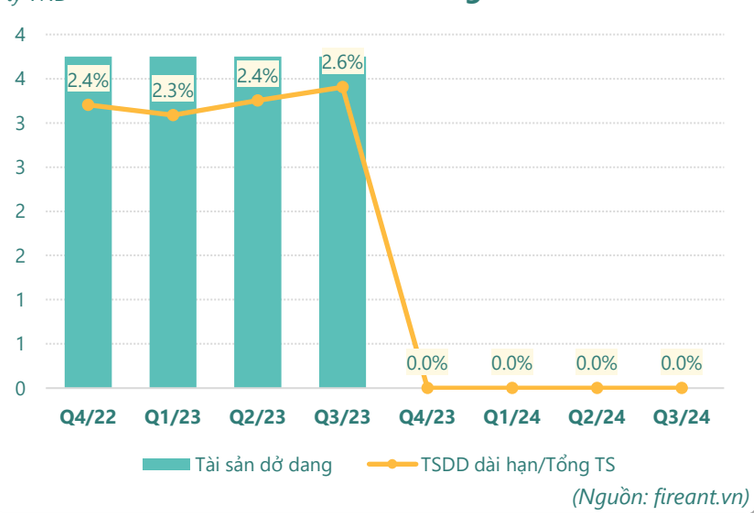
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



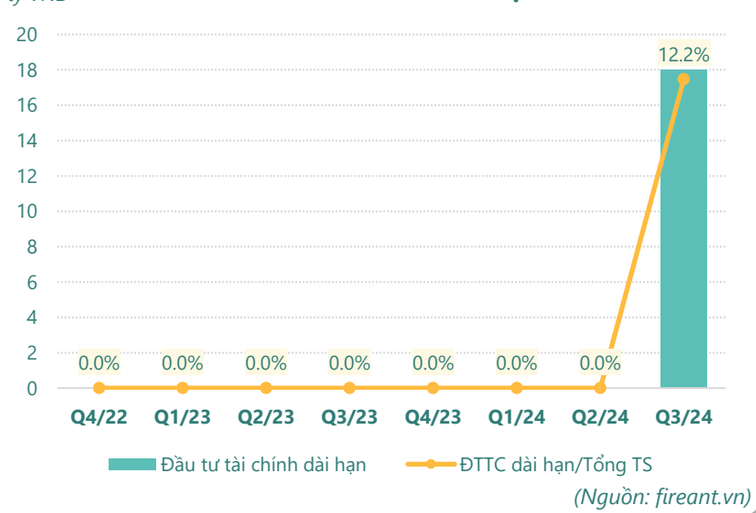
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



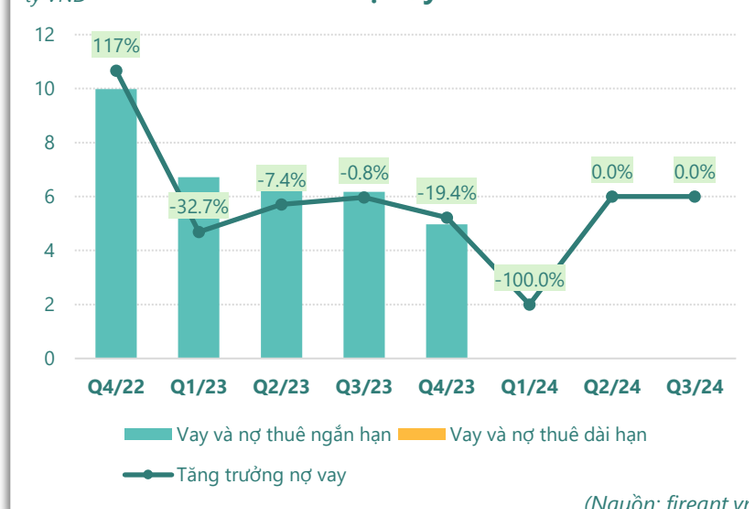
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

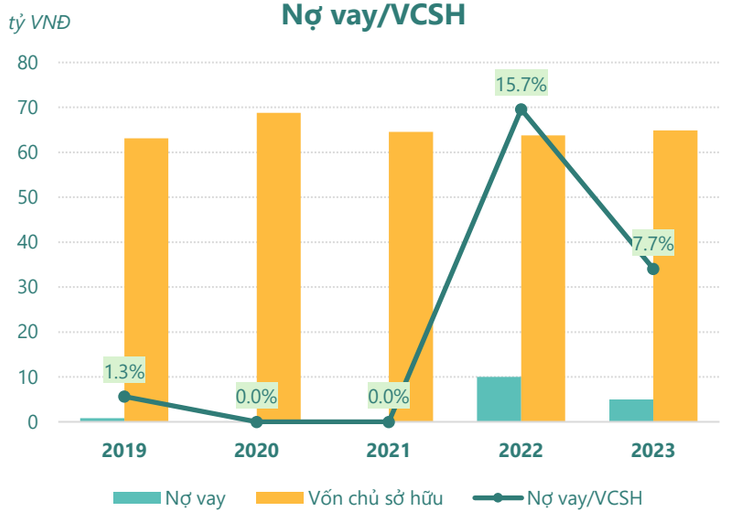
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

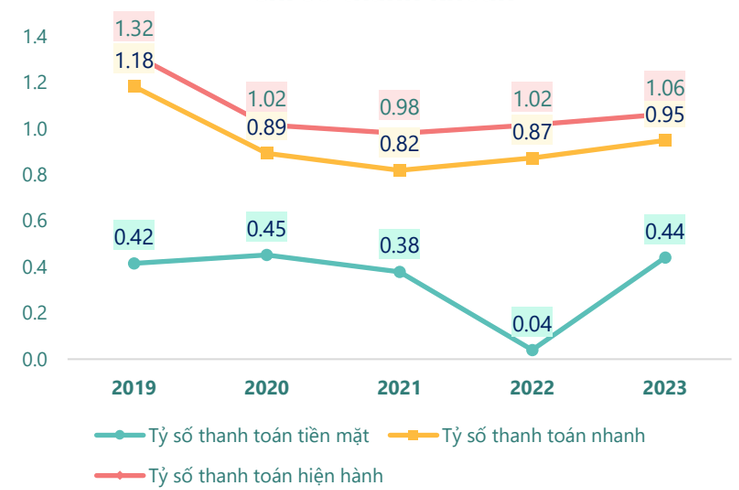
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



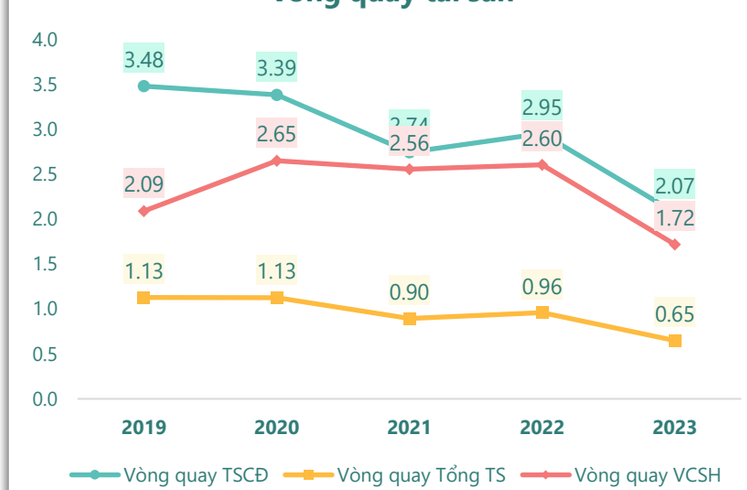
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



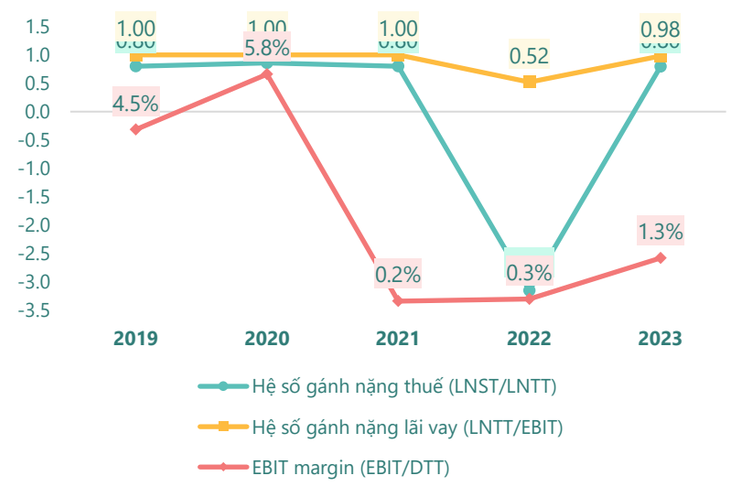
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



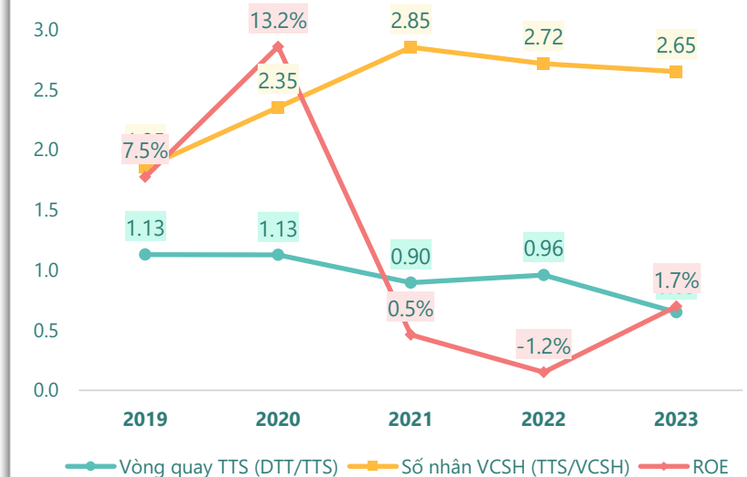
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



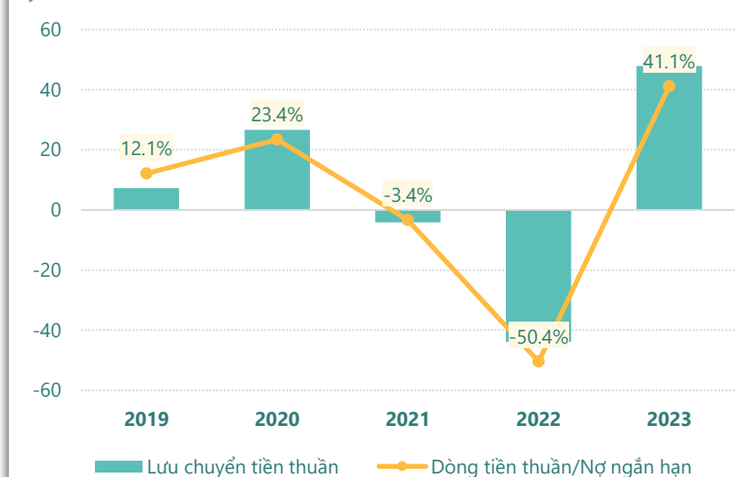
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**79.1**	**27.9**	**184%**	**168**	**69.3**	**143%**
Giá vốn hàng bán	74.2	28.0	165%	157	65.7	139%
Lợi nhuận gộp	4.95	-0.10	5050%	11.0	3.59	208%
Doanh thu HĐTC	0.12	0.05	148%	0.37	0.29	28.2%
Chi phí TC	0	0.00		0	0.02	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0.02	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**2.15**	**1.86**	**15.6%**	**5.48**	**5.25**	**4.4%**
LN thuần từ HĐKD	2.92	-1.91	253%	5.93	-1.39	527%
Lợi nhuận khác	**0.26**	**1.49**	**-82.4%**	**0.26**	**2.52**	**-89.7%**
LN trước thuế	3.19	-0.42	859%	6.19	1.13	447%
Lợi nhuận sau thuế	**2.17**	**-0.42**	**618%**	**4.58**	**0.82**	**459%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.17**	**-0.42**	**618%**	**4.58**	**0.82**	**459%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6.78	-0.97	45.8	-35.0	-3.27	-18.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.07	0.02	-0.67	0.20	0.05	10.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.50	-0.05	-1.20	-4.97	0	0.52
Tiền đầu kỳ	15.6	8.39	7.39	51.3	11.6	8.38
Lưu chuyển tiền thuần	**-7.22**	**-1.00**	**43.9**	**-39.7**	**-3.22**	**-7.64**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.39	7.39	51.3	11.6	8.38	0.73

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**147**	**186**	**-20.8%**
Tài sản ngắn hạn	77.8	124	-37.2%
Tiền và tương đương tiền	0.73	51.3	-98.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	60.4	54.8	10.2%
Hàng tồn kho	13.5	13.4	0.7%
Tài sản ngắn hạn khác	3.23	4.39	-26.4%
Tài sản dài hạn	**69.4**	**61.9**	**12.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	42.5	52.9	-19.6%
Bất động sản đầu tư	1.68	1.73	-2.6%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	18.0	0	
Tài sản dài hạn khác	**7.18**	**7.32**	**-1.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	77.2	121	-36.2%
Nợ ngắn hạn	**72.9**	**116**	**-37.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	4.97	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	35.8	23.6	51.9%
Nợ dài hạn	4.27	4.40	-3.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**70.0**	**64.9**	**7.8%**
Vốn chủ sở hữu	**70.0**	**64.9**	**7.8%**
Vốn điều lệ	36.0	36.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)